

Triển khai và giám sát đạo đức xuất bản tại các tạp chí khoa học Việt Nam và các khuyến nghị chính sách

Đào Nam Giang, Mạnh Ngọc Yến
Học viện Ngân hàng, Việt Nam

Ngày nhận: 27/01/2026

Ngày nhận bản sửa: 14/05/2026

Ngày duyệt đăng: 18/05/2026

Tóm tắt: Trong bối cảnh áp lực công bố bài báo khoa học gia tăng và các hình thức gian lận học thuật ngày càng tinh vi, việc triển khai và giám sát đạo đức xuất bản là yêu cầu thiết yếu để bảo đảm tính liêm chính của hồ sơ học thuật. Bài viết phân tích cơ chế triển khai và giám sát đạo đức xuất bản trong hệ thống xuất bản khoa học quốc tế, từ đó đối chiếu với bối cảnh Việt Nam nhằm nhận diện các khoảng trống về thể chế, năng lực và điều kiện vận hành. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu trong khung phân tích hệ thống, đối chiếu các chuẩn mực và hướng dẫn quốc tế với các văn bản pháp lý, chính sách liên quan tại Việt Nam. Kết quả cho thấy, mặc dù khung pháp lý về liêm chính khoa học ở Việt Nam đã có những điều chỉnh quan trọng, đạo đức xuất bản vẫn cần được nhận diện rõ hơn như một lĩnh vực thực hành nghề nghiệp đặc thù của các tạp chí khoa học, trong khi các điều kiện hỗ trợ còn hạn chế. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất tiếp tục cụ thể hóa các quy định và hướng dẫn về đạo đức xuất bản; ghi nhận đúng vai trò của biên tập viên

Publication ethics in Vietnamese scholarly journals: Implementation, monitoring, and policy recommendations

Abstract: As publication pressure grows and academic misconduct becomes more sophisticated, publication ethics has become essential to protecting the integrity of the scholarly record. This article examines how publication ethics is implemented and monitored in international scholarly publishing and compares these arrangements with the Vietnamese context. Using document analysis within a systems-based framework, the study reviews international standards alongside relevant legal and policy documents in Vietnam. The findings show that, although Vietnam's legal framework on research integrity has recently been strengthened, publication ethics still needs clearer recognition as a distinct area of professional practice in scholarly journals, while supporting conditions remain limited. The article therefore recommends clarifying legal and policy guidance, recognizing the role of scientific editors, investing in editorial capacity, and raising awareness across the scholarly community.

Keywords: Publication ethics, Scholarly journals, Scientific editors, Research integrity, Viet Nam

Link Doi: <https://doi.org/10.59276/JELB.2026.05.3163>

Dao Nam Giang¹, Manh Ngoc Yen²

Email: giangdn@hvn.edu.vn¹, yennm@hvn.edu.vn²

Organization of all: Banking Academy of Vietnam

khoa học; tăng cường đầu tư nguồn lực và cơ chế hỗ trợ cho các tạp chí khoa học trong nước; đồng thời nâng cao nhận thức về đạo đức xuất bản trong cộng đồng khoa học.

Từ khóa: Đạo đức xuất bản, Tạp chí khoa học, Biên tập viên khoa học, Liêm chính khoa học, Việt Nam

Trích dẫn: Đào Nam Giang, & Mạnh Ngọc Yến. (2026). Triển khai và giám sát đạo đức xuất bản tại các tạp chí khoa học Việt Nam và các khuyến nghị chính sách. Tạp chí Kinh tế - Luật và Ngân hàng, 28(5), 23-34. <https://doi.org/10.59276/JELB.2026.05.3163>

1. Giới thiệu

Đạo đức xuất bản là điều kiện nền tảng để bảo đảm độ tin cậy của hồ sơ tri thức và sự phát triển bền vững của xuất bản khoa học. Trên thế giới, lĩnh vực này đã được cụ thể hóa thành các quy tắc và hướng dẫn nghề nghiệp do các tổ chức quốc tế chuyên trách xây dựng, trong đó tiêu biểu là hướng dẫn của Ủy ban Đạo đức Xuất bản (COPE) và Khuyến nghị của Ủy ban Quốc tế các Biên tập viên Tạp chí Y học (ICMJE), tập trung vào các nguyên tắc về minh bạch, trách nhiệm giải trình, quyền tác giả, xung đột lợi ích và xử lý sai phạm (Committee on Publication Ethics [COPE], 2017; International Committee of Medical Journal Editors [ICMJE], 2023). Hệ thống xuất bản học thuật quốc tế đã hình thành các cơ chế triển khai và giám sát đa tầng, bao gồm chính sách và quy trình ở cấp tạp chí, cơ chế sàng lọc của các hệ thống chỉ mục, cùng các công cụ giám sát hậu xuất bản. Cách tiếp cận này cho thấy đạo đức xuất bản không chỉ là tập hợp nguyên tắc, mà còn là một hệ thống thực hành được tổ chức và giám sát trong toàn bộ chu trình xuất bản khoa học (COPE, 2017; Council of Science Editors [CSE], 2021; COPE và cộng sự, 2022).

Tuy nhiên, việc triển khai và giám sát đạo đức xuất bản trên thực tế vẫn gặp nhiều thách thức. Sự phát triển nhanh của trí tuệ

nhân tạo làm gia tăng rủi ro nguy tạo nội dung, vi phạm bản quyền và rò rỉ dữ liệu bản thảo; trong khi các hình thức gian lận có tổ chức đòi hỏi năng lực nhận diện và xử lý ngày càng cao từ phía tòa soạn. Ở các quốc gia đang phát triển, hạn chế về nguồn lực, hạ tầng kỹ thuật và năng lực tổ chức tiếp tục cản trở việc vận hành thực chất các thông lệ đạo đức xuất bản quốc tế (Phạm Hiệp, 2024; Marušić, 2012; Gasparyan, 2016; Gasparyan & Yessirkepov, 2016; Noorden, 2023; Zhang & Sivertsen, 2020). Tại Việt Nam, những thay đổi gần đây trong khung pháp lý và chính sách quản lý khoa học đã tạo nền tảng quan trọng cho việc chuẩn hóa hoạt động nghiên cứu và quản trị tạp chí khoa học (Chính phủ, 2025; Bộ Khoa học và Công nghệ, 2025; Hội đồng Giáo sư Nhà nước, 2025). Tuy nhiên, trong khi các quy định pháp lý đã đề cập tương đối rõ đến đạo đức nghiên cứu và hành vi của nhà khoa học, đạo đức xuất bản vẫn chưa được nhận thức và làm rõ đầy đủ như một lĩnh vực thực hành nghề nghiệp đặc thù gắn với hoạt động của tòa soạn. Chính vì vậy, cách nhìn hệ thống về đạo đức xuất bản trong mối quan hệ giữa chuẩn mực quốc tế, khung thể chế trong nước và điều kiện vận hành ở cấp tạp chí còn chưa thật rõ nét; đồng thời, nội dung này cũng chưa được quan tâm nghiên cứu và đánh giá tương xứng trong bối cảnh Việt Nam. Việc chuyển hóa các quy định

hiện hành và các thông lệ quốc tế thành quy trình vận hành thực chất ở cấp tạp chí vì thế vẫn đòi hỏi thêm hướng dẫn nghiệp vụ, nguồn lực hỗ trợ và cơ chế giám sát phù hợp. Từ khoảng trống đó, bài viết tập trung phân tích một cách có hệ thống cơ chế triển khai và giám sát đạo đức xuất bản trong mối quan hệ giữa chuẩn mực quốc tế, khung thể chế trong nước và năng lực vận hành của các chủ thể liên quan. Nghiên cứu này nhằm: (1) phân tích cách thức triển khai và giám sát đạo đức xuất bản trong hệ thống xuất bản khoa học quốc tế; và (2) đối chiếu với bối cảnh Việt Nam để nhận diện các khoảng trống về thể chế, năng lực và điều kiện vận hành, từ đó đề xuất khuyến nghị chính sách phù hợp. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tài liệu, đối sánh các hướng dẫn và thông lệ quốc tế với các văn bản pháp lý, chính sách liên quan của Việt Nam. Ngoài phần giới thiệu, bài viết gồm 5 phần: cơ chế triển khai và giám sát đạo đức xuất bản trong hệ thống xuất bản khoa học; phương pháp nghiên cứu; thực trạng tại Việt Nam; khuyến nghị chính sách; và kết luận.

2. Đạo đức xuất bản và cơ chế triển khai, giám sát trong hệ thống xuất bản khoa học

Đạo đức xuất bản là một trụ cột của liêm chính khoa học, gồm các nguyên tắc và thông lệ tốt nhất điều chỉnh hành vi của các chủ thể trong toàn bộ chu trình xuất bản học thuật, từ nộp bản thảo, phản biện, biên tập, công bố đến trách nhiệm sau xuất bản (COPE, n.d.). Mục tiêu cốt lõi là bảo đảm tính minh bạch, độ tin cậy của dữ liệu và trách nhiệm giải trình của các bên liên quan, qua đó duy trì tính liêm chính của hồ sơ tri thức khoa học toàn cầu. Đạo đức xuất bản không chỉ là tập hợp quy định mang tính chế tài, mà còn hướng tới hình thành

văn hóa học thuật dựa trên các thực hành tốt nhất, có thể kiểm chứng và được cộng đồng khoa học thừa nhận rộng rãi (COPE, 2017). Trong xuất bản học thuật đương đại, đạo đức xuất bản được hiểu như một “chuỗi thực hành liên tục”, trong đó trách nhiệm không chỉ thuộc về tác giả mà còn được phân bổ cho người phản biện, biên tập viên, nhà xuất bản, cơ sở dữ liệu chỉ mục và tổ chức tài trợ nghiên cứu. Cách tiếp cận này cho thấy sự chuyển dịch từ mô hình chủ yếu dựa trên niềm tin và cam kết tự nguyện sang mô hình nhấn mạnh các cơ chế triển khai và giám sát có tính hệ thống (Marušić, 2012). Ở cấp tạp chí, việc triển khai chủ yếu thông qua chính sách biên tập và quy trình vận hành. Các hướng dẫn và thông lệ tốt nhất của COPE, ICMJE là cơ sở để tạp chí cụ thể hóa các quy định về phản biện kín, công bố xung đột lợi ích, xác lập quyền tác giả và xử lý sai phạm (COPE, 2017; ICMJE, 2023). Tạp chí phải xây dựng và công bố công khai chính sách xử lý khiếu nại đối với các hành vi và sai sót nghiệp vụ, cũng như cơ chế khiếu nại đối với quyết định biên tập mang tính chuyên môn (COPE, 2017; CSE, 2021; Hodgkinson, 2023). Khi phát sinh tố cáo về sai phạm nghiêm trọng, tạp chí phải phối hợp với cơ sở nghiên cứu của tác giả để xác minh; kết luận điều tra là căn cứ cho các quyết định hậu xuất bản như đình chỉ, thông báo quan ngại hoặc rút bài (CSE, 2021; Hodgkinson, 2023). Việc chuẩn hóa nghiệp vụ ở cấp tạp chí còn được hỗ trợ bởi các hiệp hội nghề nghiệp như Hiệp hội Quốc tế các nhà xuất bản khoa học, kỹ thuật và y tế (STM) hay Hiệp hội các nhà xuất bản học thuật và chuyên nghiệp (ALPSP) thông qua chia sẻ hướng dẫn kỹ thuật, phổ biến thông lệ tốt và thúc đẩy hợp tác giữa các nhà xuất bản. Dù không có thẩm quyền cưỡng chế độc lập, các tổ chức này vẫn góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng lực triển khai đạo

đức xuất bản, nhất là trong bối cảnh gian lận học thuật ngày càng tinh vi.

Song song với các cơ chế triển khai ở cấp tạp chí, hệ thống xuất bản học thuật toàn cầu còn vận hành một mạng lưới giám sát đa tầng nhằm bảo đảm tuân thủ đạo đức xuất bản. Các tổ chức như COPE, ICMJE và WAME duy trì các bộ nguyên tắc và hướng dẫn, đóng vai trò là tiêu chuẩn nghề nghiệp chung cho cộng đồng xuất bản khoa học quốc tế (COPE, 2017; ICMJE, 2023; World Association of Medical Editors [WAME], 2023). Trong khi đó, các cơ sở dữ liệu và hệ thống chỉ mục như Scopus, Web of Science và DOAJ (Directory of Open Access Journals) hoạt động như những thiết chế sàng lọc thông qua thẩm định điều kiện và tái thẩm định định kỳ. Việc duy trì sự hiện diện trong các hệ thống này phụ thuộc trực tiếp vào bằng chứng thực thi minh bạch các chính sách biên tập và đạo đức xuất bản; nếu phát sinh quan ngại về liêm chính, tạp chí có thể bị đưa vào diện theo dõi, tạm ngừng hoặc loại khỏi danh mục chỉ mục (Elsevier, n.d; Andreis, 2025; Gasparyan & Yessirkepov, 2016).

Cùng với sức ép từ các hệ thống chỉ mục, sự thay đổi trong tư duy đánh giá khoa học toàn cầu cũng tạo ra các áp lực giám sát gián tiếp. Các sáng kiến như Tuyên bố San Francisco về đánh giá nghiên cứu (DORA) và Liên minh thúc đẩy cải cách đánh giá nghiên cứu (CoARA) thúc đẩy giảm phụ thuộc quá mức vào các chỉ số trích lượng định lượng, đồng thời chuyển trọng tâm sang chất lượng thực chất của nghiên cứu và mức độ tuân thủ các nguyên tắc liêm chính trong toàn bộ quy trình xuất bản (CoARA, n.d.; DORA, n.d.; Zhang & Sivertsen, 2020). Sự dịch chuyển này góp phần điều chỉnh động cơ trong hệ sinh thái xuất bản, qua đó tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc triển khai và giám sát đạo đức xuất bản một cách thực chất.

Giám sát đạo đức xuất bản còn được thực hiện thông qua các cơ chế hậu xuất bản. Các biện pháp như rút bài (retraction) và thông báo quan ngại (expression of concern) được sử dụng để cảnh báo cộng đồng khoa học về các công trình không còn đáng tin cậy và hạn chế sự lan tỏa của dữ liệu sai phạm. Việc số lượng bài báo bị thu hồi gia tăng trong những năm gần đây phản ánh sự cải thiện trong năng lực phát hiện sai phạm mang tính hệ thống (Noorden, 2023). Đặc biệt, khuyến nghị thực hành NISO RP452024 về thông báo các quyết định thu hồi, gỡ bỏ và bày tỏ quan ngại đối với bài báo khoa học (CREC) cho phép mã hóa các quyết định rút bài dưới dạng metadata máy đọc được, giúp các cảnh báo về liêm chính được lan tỏa tự động và đồng bộ trên toàn bộ hệ sinh thái thư viện và cơ sở dữ liệu khoa học (National Information Standards Organization [NISO], 2024; Bakker, 2024).

Bên cạnh đó, giám sát cộng đồng thông qua phản biện sau xuất bản ngày càng được coi trọng như một thành tố hỗ trợ cho hệ thống giám sát chính thức. Các nền tảng như PubPeer tạo điều kiện để các nhà nghiên cứu độc lập rà soát và thảo luận về các công trình đã công bố, góp phần phát hiện sớm các sai lệch mà quy trình phản biện truyền thống có thể bỏ sót (Ortega, 2022). Theo khuyến nghị của COPE, các tạp chí cần thiết lập quy trình chính thức để tiếp nhận và xử lý các tố cáo liên quan đến đạo đức xuất bản, kể cả trong trường hợp nguồn tin ẩn danh nếu có bằng chứng đủ độ tin cậy (COPE, 2024).

Bên cạnh cơ chế xử lý nội bộ tại tạp chí, trong thực hành quốc tế còn có thiết chế “người phán xử độc lập” (ombudsperson) như một cơ chế giải quyết tranh chấp bên ngoài tòa soạn. Thiết chế này hoạt động tách biệt với bộ máy điều hành thường ngày của tạp chí hoặc nhà xuất bản và tập trung vào

việc rà soát tính công bằng, tính đúng đắn của quy trình biên tập, thay vì thẩm định lại nội dung khoa học. Cơ chế này thường chỉ được kích hoạt sau khi các nỗ lực hòa giải nội bộ thất bại; các khuyến nghị tuy không mang tính cưỡng chế nhưng thường được nhiều tạp chí coi trọng để bảo vệ danh tiếng và tiêu chuẩn liêm chính (COPE, 2017; CSE, 2021).

Tóm lại, hệ thống triển khai và giám sát đạo đức xuất bản hiện đại được đặc trưng bởi sự phối hợp đa tầng giữa nhiều chủ thể, kết hợp giữa thông lệ và hướng dẫn thực hành tốt nhất, cơ chế tổ chức và công cụ kỹ thuật số. Sự chuyển dịch từ mô hình dựa trên cam kết tự nguyện sang mô hình giám sát dựa trên dữ liệu và áp lực hệ thống đã làm tăng đáng kể tính ràng buộc trong tuân thủ đạo đức xuất bản. Với các quốc gia đang phát triển, việc nhận diện đầy đủ cấu trúc và logic vận hành của hệ thống này là tiền đề quan trọng để xây dựng chính sách phù hợp, bảo đảm quá trình hội nhập thực chất vào hệ sinh thái xuất bản khoa học quốc tế (Marušić, 2012; Andreis, 2025; Zhang & Sivertsen, 2020). Hiệu quả thực thi trên thực tế còn phụ thuộc vào các điều kiện bảo đảm mang tính hệ thống, gồm nền tảng thể chế và công cụ điều tiết trong nước, năng lực tổ chức và chuyên môn của đội ngũ biên tập, hạ tầng vận hành của tạp chí và tiêu chí đánh giá công bố khoa học.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu với ba nhóm tài liệu chính: (1) các hướng dẫn về thông lệ và thực hành tốt nhất quốc tế, làm khung tham chiếu để xác định yêu cầu về minh bạch, trách nhiệm giải trình và quản trị biên tập; (2) các nghiên cứu học thuật, dùng để diễn giải và đối chiếu các chuẩn mực quốc tế với thực tiễn vận hành đạo đức xuất bản, làm

cơ sở phân tích thực trạng tại Việt Nam; và (3) các văn bản pháp quy, chính sách của Việt Nam, cung cấp căn cứ pháp lý để phân tích khung thể chế và thẩm quyền quản lý đối với hoạt động xuất bản khoa học trong nước. Việc sàng lọc và lựa chọn tài liệu được thực hiện theo nguyên tắc bảo đảm độ tin cậy học thuật và thẩm quyền nguồn. Khung phân tích gồm hai cấu phần chính: (1) cách thức triển khai và giám sát đạo đức xuất bản, bao gồm việc các nguyên tắc đạo đức được cụ thể hóa thành các bước thực hành có thể theo dõi và giải trình trong hoạt động tòa soạn, cũng như cách hệ thống xuất bản học thuật bảo đảm tuân thủ đạo đức xuất bản không chỉ ở mức khuyến nghị mà còn gắn với các điều kiện để tạp chí và công bố khoa học được công nhận, duy trì uy tín; và (2) các nhân tố tác động đến việc vận hành thực chất các cơ chế này, gồm khung thể chế và công cụ điều tiết trong nước, năng lực tổ chức, chuyên môn và quyền tự chủ của đội ngũ biên tập, cùng nguồn lực, hạ tầng kỹ thuật và các động lực đánh giá chi phối hành vi công bố.

4. Thực trạng triển khai và giám sát đạo đức xuất bản trong xuất bản khoa học ở Việt Nam

4.1. Cơ chế triển khai và giám sát đạo đức xuất bản ở Việt Nam

Việc triển khai và giám sát đạo đức xuất bản tại Việt Nam đang từng bước được chuẩn hoá thông qua sự phân công giữa quản lý nhà nước và đơn vị thực thi trực tiếp, hình thành một hệ thống có ràng buộc pháp lý nhất định. Ở cấp vĩ mô, Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025 cùng Nghị định số 262/2025/NĐCP xác lập liêm chính khoa học là nghĩa vụ pháp lý bắt buộc, quy định rõ các hành vi sai phạm nghiêm trọng trong hoạt động

nghiên cứu và công bố khoa học, qua đó tạo nền tảng pháp lý cho hoạt động giám sát liên chính trong toàn hệ thống (Chính phủ, 2025; Quốc hội, 2025a).

Về phân công chủ thể, Bộ Khoa học và Công nghệ giữ vai trò quản lý nhà nước về liên chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua việc ban hành hướng dẫn, tiêu chí đánh giá và xếp loại tạp chí, cũng như định hướng vận hành nền tảng số quản lý Khoa học Công nghệ và Đổi mới sáng tạo quốc gia nhằm tăng cường công khai, minh bạch và giám sát tuân thủ (Chính phủ, 2025; Bộ Khoa học và Công nghệ, 2025; Quốc hội, 2025a). Cục Báo chí thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện thẩm quyền giám sát các tạp chí khoa học dưới góc độ cơ quan báo chí, bảo đảm tuân thủ Luật Báo chí và các quy định về xuất bản, tạo nên một lớp giám sát hành chính song hành với quản lý khoa học (Quốc hội, 2025b). Hội đồng Giáo sư Nhà nước thực hiện phê duyệt hàng năm danh mục tạp chí khoa học được tính điểm. Danh mục này không phải công cụ giám sát đạo đức xuất bản trực tiếp nhưng đóng vai trò như một công cụ điều tiết hành vi công bố, tạo động lực để các tạp chí duy trì tiêu chuẩn chất lượng và đạo đức xuất bản để bảo vệ vị thế trong hệ thống đánh giá học thuật (Hội đồng Giáo sư Nhà nước, 2025).

Ở cấp thực thi trực tiếp, tòa soạn tạp chí và hội đồng biên tập là chủ thể giữ thẩm quyền cao nhất trong xét chọn, tổ chức phản biện và quyết định công bố bài báo. Các tòa soạn có trách nhiệm thực thi các chính sách liên quan đến phát hiện đạo văn, xử lý xung đột lợi ích và rút bài theo các quy định được dẫn chiếu trong khung pháp lý hiện hành, bao gồm các nghĩa vụ được quy định trong Nghị định 262/2025/NĐ-CP. Nhằm chuyển đạo đức xuất bản từ cam kết chung thành

các tiêu chí vận hành cụ thể hơn ở cấp tạp chí, Thông tư số 27/2025/TTBKHCN đã đặt ra các yêu cầu quan trọng về quản trị tạp chí, như cơ cấu hội đồng biên tập, phản biện kín hai chiều và công khai minh bạch chính sách biên tập, lộ trình để xếp hạng các tạp chí khoa học.

Nhìn chung, Việt Nam đã bước đầu hình thành nền tảng pháp lý và tổ chức cho triển khai, giám sát đạo đức xuất bản, với sự tham gia của cơ quan quản lý nhà nước, hệ thống đánh giá học thuật và các tạp chí. Đây là cơ sở để chuẩn hóa hoạt động xuất bản khoa học và nhận diện các khoảng trống để tiếp tục hoàn thiện trong thời gian tới.

4.2. Những hạn chế trong triển khai, giám sát và điều kiện hỗ trợ thực thi đạo đức xuất bản

Mặc dù hệ thống chủ thể và thẩm quyền đã được thiết lập, thực tiễn triển khai, giám sát và thực thi đạo đức xuất bản vẫn bộc lộ một số tồn tại. Những hạn chế này không chỉ nằm ở cơ chế, khung quy định mà còn từ sự thiếu hụt điều kiện bảo đảm khả năng vận hành thực chất của đạo đức xuất bản ở các tạp chí khoa học.

Thứ nhất, quy định hiện hành chưa phân định rõ giữa liên chính nghiên cứu và đạo đức xuất bản, trong khi việc nội luật hóa các thông lệ và thực hành tốt nhất của quốc tế về đạo đức xuất bản chưa được quy định và hướng dẫn cụ thể. Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025 và Nghị định số 262/2025/NĐ-CP đã tạo nền tảng quan trọng cho việc xác lập nghĩa vụ liên chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đồng thời góp phần nhận diện các hành vi sai phạm trong nghiên cứu và công bố khoa học. Các quy định hiện hành vẫn chủ yếu tiếp cận vấn đề từ góc độ hành vi của nhà khoa học và trách nhiệm tuân thủ trong quá trình nghiên cứu.

Trong khi đó, đạo đức xuất bản lại là một chuỗi thực hành liên tục trong quy trình vận hành của tạp chí, từ khâu nộp bài, phản biện, biên tập cho đến các trách nhiệm sau xuất bản. Bên cạnh đó, mặc dù Điều 36 của Nghị định 262/2025/NĐCP yêu cầu các tạp chí xây dựng chuẩn mực xuất bản khoa học theo “thông lệ quốc tế”, quy định này vẫn cần được cụ thể hóa bằng các hướng dẫn nghiệp vụ rõ ràng hơn. Việc chưa có chỉ dẫn cụ thể về các khung tham chiếu ưu tiên (ví dụ COPE hay ICMJE) khiến các tòa soạn tạp chí lúng túng khi xử lý các vấn đề như thao túng phản biện, quản trị xung đột lợi ích của biên tập viên hay quy trình rút bài chuẩn hóa, từ đó tác động đến tính nhất quán và khả năng bảo vệ quyết định biên tập khi phát sinh tranh chấp. Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo phát triển nhanh, khoảng trống này trở nên rõ hơn khi các tạp chí còn thiếu các hướng dẫn liên quan đến sử dụng trí tuệ nhân tạo, bao gồm ranh giới giữa sử dụng AI hợp lệ và các hành vi vi phạm liên chính như ngụy tạo nội dung, vi phạm bản quyền hoặc tải bản thảo lên nền tảng AI chung, làm phát sinh rủi ro bảo mật và rò rỉ dữ liệu (Phạm Hiệp, 2024). Nhiều tòa soạn vẫn phải tự diễn giải và xây dựng quy trình dựa trên kinh nghiệm nội bộ, dẫn đến nguy cơ thiếu nhất quán trong xử lý các tình huống đạo đức phức tạp, giảm khả năng giải trình và bảo vệ quyết định biên tập khi phát sinh tranh chấp.

Thứ hai, sự chòng chéo quyền tài phán và thiếu cơ chế bảo trợ chuyên môn đặt ban biên tập vào trạng thái “gác công đơn độc”. Tạp chí khoa học Việt Nam đồng thời chịu sự điều chỉnh của Luật Báo chí (về tôn chỉ, mục đích và nhân sự quản lý) và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (về nội dung chuyên môn và liên chính) trong khi cơ chế hỗ trợ chuyên môn đối với các quyết định đạo đức xuất bản chưa được thiết kế đầy đủ. So với các thực hành tốt

nhất do COPE khuyến nghị, Việt Nam hiện chưa có thiết chế “người phân xử độc lập” hoặc hội đồng liên chính khoa học đủ thẩm quyền ở cấp độ quốc gia. Khi đối mặt với các tình huống phức tạp nghi vấn liên quan đến xưởng sản xuất bài báo (paper mills) hoặc yêu cầu rút bài đối với các trường hợp có yếu tố nhạy cảm, trạng thái “gác công đơn độc” này dễ dẫn đến xu hướng né tránh hoặc xử lý không triệt để sai phạm.

Thứ ba, hạn chế trong hạ tầng số của tạp chí trong nước. Không ít tạp chí Việt Nam vẫn vận hành dựa trên các quy trình thủ công hoặc hệ thống rời rạc. Mặc dù Thông tư số 27/2025/TT-BKHCN và Nghị định 262/2025/NĐ-CP đã xác lập các tiêu chuẩn cao hơn về mã định danh DOI và chuẩn hóa các siêu dữ liệu, thực tế cho thấy không ít tạp chí nội địa đang thiếu hụt ngân sách để duy trì các công cụ gác công cơ bản như phần mềm nhận diện đạo văn hay kiểm soát trí tuệ nhân tạo (AI). Việc thiếu kết nối với các cơ sở dữ liệu, công cụ kiểm chứng và hạ tầng dữ liệu dùng chung khiến mỗi tòa soạn phải tự xoay sở việc xác minh bản thảo, làm gia tăng rủi ro trước hình thức gian lận có tổ chức.

Thứ tư, đội ngũ biên tập viên khoa học chuyên nghiệp ở một số tạp chí còn mỏng và chưa được định vị vai trò trong cơ cấu tổ chức. Thực tế, một bộ phận cộng đồng khoa học và nhà quản lý trong nước nhìn nhận biên tập viên là người thực hiện các công việc kỹ thuật về ngôn ngữ, hình thức và định dạng bản thảo, trong khi chuẩn mực quốc tế coi biên tập viên khoa học là chủ thể có trách nhiệm đánh giá tính mới, độ tin cậy của dữ liệu, nhận diện xung đột lợi ích và điều phối quy trình phản biện nhằm bảo vệ tính liên chính của hồ sơ học thuật (CSE, 2021; Gasparyan, 2016; Gasparyan và cộng sự, 2018). Tại Việt Nam, đội ngũ biên tập viên khoa học chuyên nghiệp ở một số tạp chí thường phải làm việc trong

tình trạng quá tải, thiếu công cụ hỗ trợ đối soát AI, thiếu kết nối với các hiệp hội nghề nghiệp quốc tế và ít cập nhật các xu hướng mới về đạo đức xuất bản làm hạn chế năng lực nhận diện sớm các rủi ro. Ngoại trừ một số tạp chí tham gia vào các cơ sở dữ liệu quốc tế như Scopus/Web of Science có điều kiện xây dựng đội ngũ chuyên trách, phần lớn các tạp chí nội địa vẫn chưa phát triển được mạng lưới biên tập viên khoa học kiêm nhiệm để bao quát các phân ngành chuyên sâu.

Thứ năm, nhận thức về đạo đức xuất bản và động lực đánh giá nghiên cứu chưa tạo điều kiện đầy đủ cho việc thực thi đạo đức xuất bản một cách chặt chẽ và triệt để. Các hình thức vi phạm khó nhận diện như tác giả danh dự, thao túng phản biện hoặc lạm dụng dịch vụ bên thứ ba chưa thực sự được coi là vấn đề nghiêm trọng của đạo đức xuất bản, phản ánh khoảng cách trong hiểu biết và thông lệ thực hành. Thực tiễn nghiên cứu trong môi trường giáo dục đại học Việt Nam cũng cho thấy nhận thức về liêm chính học thuật còn chưa đồng đều và việc thể chế hóa trong thực hành nghiên cứu cần tiếp tục được củng cố (Lê Thị Minh Thảo và cộng sự, 2025). Bên cạnh đó xu hướng đánh giá dựa nhiều vào số lượng công bố, chỉ số trích dẫn và kênh công bố quốc tế có thể làm lệch ưu tiên đầu tư, khiến việc phát triển bền vững các tạp chí nội địa, nâng cấp hạ tầng liêm chính, đào tạo biên tập viên và duy trì đội ngũ chuyên trách chưa được quan tâm tương xứng. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng tại các quốc gia đang phát triển, sai phạm trong xuất bản không chỉ xuất phát từ động cơ trục lợi, mà còn từ sự thiếu hiểu biết về thông lệ và thực hành nghề nghiệp tốt nhất, việc không được đào tạo đầy đủ và chuẩn tắc về đạo đức nghiên cứu, cách thức sử dụng các công cụ và nguồn dữ liệu (Rodrigues và cộng sự, 2023).

Tóm lại, việc triển khai và giám sát đạo đức

xuất bản quốc tế đang có những thay đổi và thách thức đáng kể. Tại Việt Nam, khung pháp lý mới đã tạo nền tảng quan trọng cho việc chuẩn hóa hoạt động khoa học và tạp chí khoa học. Tuy nhiên, việc triển khai và giám sát đạo đức xuất bản vẫn cần tiếp tục được cụ thể hóa thành hướng dẫn nghiệp vụ, cơ chế hỗ trợ, hạ tầng vận hành và năng lực thực thi. Đây là những điều kiện quan trọng để các tạp chí trong nước phát triển bền vững và hội nhập hiệu quả hơn vào hệ sinh thái xuất bản học thuật quốc tế.

5. Các khuyến nghị chính sách tăng cường triển khai và giám sát đạo đức xuất bản ở Việt Nam

Trên cơ sở khung phân tích được xây dựng ở Phần 3 và các vấn đề được nhận diện trong Phần 4, phần này đưa ra khuyến nghị chính sách theo tiếp cận đa tầng, nhằm tăng cường hiệu quả và tính bền vững của việc triển khai và giám sát đạo đức xuất bản trong bối cảnh Việt Nam. Các khuyến nghị chính bao gồm: (i) hoàn thiện khung quy định và cơ chế triển khai; (ii) tăng cường các thiết chế và công cụ giám sát; và (iii) củng cố các điều kiện bảo đảm thực thi mang tính hệ thống.

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện khung quy định về đạo đức xuất bản. Điều 36 của Nghị định số 262/2025/NĐ-CP về chuẩn mực xuất bản theo “thông lệ quốc tế” là một bước tiến lớn đánh dấu định hướng phù hợp về căn cứ pháp lý để triển khai đạo đức xuất bản. Tiếp nối theo bước đi này, Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu và ban hành hướng dẫn cụ thể hơn về khung tham chiếu ưu tiên như COPE hay ICMJE. Các hướng dẫn nội luật hóa thông lệ và thực hành nghề nghiệp tốt nhất của quốc tế cũng cần làm rõ phạm vi và đối tượng điều chỉnh của đạo đức xuất bản, thay vì gộp chung vào khung liêm chính nghiên cứu.

Các quy định hướng dẫn tập trung cụ thể vào nội dung về đạo đức xuất bản sẽ tạo cơ sở pháp lý và nghiệp vụ chặt chẽ, khoa học và thống nhất để ban biên tập xử lý các tình huống đạo đức xuất bản, từ đó tăng cường tính nhất quán và khả năng giải trình, bảo vệ các quyết định biên tập trước các tranh chấp học thuật và hành chính.

Thứ hai, thiết lập cơ chế bảo trợ thể chế và phúc thẩm đối với các quyết định đạo đức xuất bản và tăng cường kết nối với các tổ chức hiệp hội nghề nghiệp quốc tế trong lĩnh vực xuất bản học thuật. Trong bối cảnh Việt Nam, việc thiết lập một cơ chế tư vấn hoặc phúc thẩm về đạo đức xuất bản ở cấp quốc gia hoặc liên ngành có thể đóng vai trò hỗ trợ và bảo vệ ban biên tập trước các áp lực hành chính, xã hội hoặc lợi ích cục bộ. Thiết chế này không nhằm can thiệp vào việc thẩm định nội dung khoa học, mà tập trung rà soát tính công bằng, minh bạch và đúng đắn của quy trình biên tập, qua đó đảm bảo sự nhất quán cần thiết trong xử lý các vụ việc vượt quá thẩm quyền hoặc năng lực chuyên môn của từng tạp chí riêng lẻ. Đồng thời, việc tăng cường kết nối của các tạp chí và đội ngũ biên tập viên Việt Nam với các tổ chức và hiệp hội nghề nghiệp quốc tế như COPE, CSE, WAME hoặc ALPSP có ý nghĩa quan trọng trong nâng cao năng lực triển khai và giám sát đạo đức xuất bản. Các hiệp hội này không chỉ cung cấp khung chuẩn mực và hướng dẫn nghiệp vụ cập nhật, mà còn đóng vai trò như các “cộng đồng thực hành” giúp biên tập viên trao đổi kinh nghiệm, tiếp cận các thông lệ tốt và nhận diện sớm các hình thức gian lận mới nổi, góp phần giảm trạng thái “gác công đơn độc”, đồng thời tăng cường tính chính danh nghề nghiệp cho các quyết định biên tập trong bối cảnh hội nhập.

Thứ ba, đầu tư và tích hợp hạ tầng số phục vụ giám sát đạo đức xuất bản dựa trên dữ liệu. Việc phát triển nền tảng số quản lý

khoa học quốc gia theo định hướng của Nghị định số 262/2025/NĐ-CP cần gắn chặt với yêu cầu chuẩn hóa và công khai dữ liệu liên quan đến rút bài, đính chính và thông báo quan ngại. Đây không chỉ là giải pháp kỹ thuật, mà là điều kiện nền để các quyết định đạo đức xuất bản được ghi nhận, truy vết và giám sát một cách minh bạch, qua đó giúp Việt Nam từng bước kết nối với hạ tầng liên chính của hệ sinh thái xuất bản khoa học quốc tế. Việc đầu tư vào hạ tầng số cũng sẽ là điều kiện để các toà soạn có thể triển khai các công cụ số, công nghệ phù hợp phục vụ cho phát hiện và ngăn chặn từ sớm các vi phạm đạo đức xuất bản.

Thứ tư, xác định rõ vai trò của biên tập viên khoa học như một chủ thể cốt lõi trong bảo vệ đạo đức xuất bản và có chiến lược đầu tư, đào tạo phù hợp. Việc đào tạo chuyên sâu và cập nhật định kỳ cho biên tập viên là điều kiện cần thiết để nâng cao năng lực nhận diện sai phạm, xử lý các vấn đề phát sinh từ công nghệ số và trí tuệ nhân tạo, cũng như điều phối quy trình phản biện một cách chuyên nghiệp. Việc đầu tư cho đội ngũ biên tập viên cần được nhìn nhận như đầu tư cho hạ tầng mềm của hệ thống khoa học, thay vì chi phí phụ trợ có thể cắt giảm. Việc xác định và làm rõ vai trò của biên tập viên khoa học là cơ sở để các tạp chí khoa học có thể mở rộng và nâng cao chất lượng chuyên môn của đội ngũ thông qua xây dựng cơ chế và tìm kiếm nguồn để phát triển đội ngũ biên tập viên khoa học kiêm nhiệm (vẫn giữ chức danh công tác chính thức và tham gia công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các trường, khoa, viện nghiên cứu, đồng thời tham gia công tác biên tập khoa học tại các tạp chí). Qua đó, góp phần để cộng đồng khoa học hiểu và đồng thuận hơn với các quyết định biên tập liên quan đến đạo đức xuất bản.

Thứ năm, cần tăng cường đào tạo và phổ

biển về đạo đức xuất bản và vai trò, trách nhiệm của các bên (tác giả, cơ quan chủ quản, người phản biện và toà soạn...) trong triển khai, thực thi và giám sát. Việc đào tạo này không chỉ trong đội ngũ biên tập viên, mà còn trong cộng đồng khoa học và đội ngũ quản lý nghiên cứu. Các chương trình đào tạo, phổ biến và truyền thông về đạo đức xuất bản cần được tích hợp một cách hệ thống vào hoạt động đào tạo sau đại học, bồi dưỡng cán bộ nghiên cứu và các chương trình nâng cao năng lực quản lý khoa học nhằm giúp cộng đồng nhận diện rõ hơn các hành vi như tác giả danh dự, thao túng phản biện, lạm dụng dịch vụ bên thứ ba hoặc sử dụng AI không minh bạch. Việc nâng cao nhận thức chung sẽ góp phần giảm thiểu xung đột và tăng hiệu quả giám sát ở cấp hệ thống.

Thứ sáu, điều chỉnh động lực hệ thống thông qua cải cách đánh giá hoạt động nghiên cứu. Các nỗ lực tăng cường triển khai và giám sát đạo đức xuất bản cần được đặt trong mối quan hệ với cải cách hệ thống đánh giá hoạt động nghiên cứu ở cấp vĩ mô. Theo hướng này, Việt Nam cần tham khảo và từng bước điều chỉnh cách đánh giá hoạt động nghiên cứu theo tinh thần của các sáng kiến quốc tế như DORA và CoARA cho phù hợp, trong đó coi trọng liên chính quy trình, chất lượng thực chất của công bố và mức độ tuân thủ các chuẩn mực đạo đức bên cạnh số lượng và chỉ số trích dẫn. Việc tích hợp các tiêu chí về minh bạch, quản trị biên tập và tuân thủ chuẩn mực đạo đức vào khung đánh giá tạp chí, cơ sở nghiên cứu và cá nhân sẽ góp phần tạo ra động lực tuân thủ tích cực, đồng thời hỗ trợ các tạp chí nội địa trong quá trình chuẩn hóa theo thông lệ quốc tế.

6. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy xuất bản khoa học

quốc tế đang chuyển dịch từ cách tiếp cận dựa chủ yếu trên cam kết tự nguyện sang mô hình có tính ràng buộc cao hơn trong triển khai và giám sát đạo đức xuất bản, thông qua các cơ chế gắn trách nhiệm đạo đức với quy trình biên tập, công nhận tạp chí và đánh giá hoạt động nghiên cứu. Đạo đức xuất bản không còn là vấn đề tuân thủ quy định mang tính hình thức, mà phụ thuộc ngày càng nhiều vào khả năng vận hành thực chất các quy trình, thiết chế và công cụ giám sát trong toàn bộ hệ thống xuất bản. Tại Việt Nam, những cập nhật trong 2025- 2026 trong quy định pháp lý về liên chính khoa học đã tạo nền tảng quan trọng cho việc chuẩn hóa hoạt động khoa học và tạp chí khoa học. Tuy nhiên, để đạo đức xuất bản đi vào thực tiễn, cần tiếp tục cụ thể hóa quy định ở cấp nghiệp vụ và tăng cường các điều kiện hỗ trợ thực thi, nhất là cơ chế hỗ trợ ban biên tập nhằm giảm tình trạng “gác công đơn độc”, tăng cường hạ tầng số, năng lực biên tập viên và nhận thức của cộng đồng khoa học. Tăng cường đạo đức xuất bản cần được tiếp cận như một vấn đề quản trị hệ thống, thay vì chỉ là yêu cầu tuân thủ ở cấp từng tạp chí. Các nghiên cứu tương lai có thể mở rộng theo hướng khảo sát thực địa tại các tạp chí trong nước, phỏng vấn sâu các chuyên gia hoặc khảo sát rộng đối với cộng đồng khoa học để có những bằng chứng thực nghiệm về đạo đức xuất bản, quá trình triển khai và giám sát, hoặc đi sâu vào đánh giá tác động của các cơ chế chuẩn hóa và giám sát hậu xuất bản, cũng như đánh giá những thách thức mới nảy sinh từ việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quy trình biên tập và phản biện.

Nhóm tác giả có sử dụng NotebookLM để hỗ trợ trong sàng lọc, tổng hợp và phân tích dữ liệu, M365 Copilot trong soạn thảo và rà soát văn bản. Việc lựa chọn tài liệu, xây dựng khung phân tích, diễn giải kết quả và đề xuất khuyến nghị chính sách do nhóm

tác giả trực tiếp thực hiện; toàn bộ nội dung do AI hỗ trợ đều được rà soát, kiểm chứng và chịu trách nhiệm hoàn toàn bởi nhóm

tác giả, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc liêm chính và đạo đức nghiên cứu. ■

Tài liệu tham khảo

- Andreis, G. S. L. (2025). Transparency principles and best editorial practices: A case study of REMAT—Revista Eletrônica da Matemática. *Science Editor*, 48, 68-73. <https://doi.org/10.36591/SE-4802-06>
- Bakker, C. (2024). Introducing the NISO Communication of Retractions, Removals, and Expressions of Concern (CREC) Guidelines. *Science Editor*, 47, 86-88. <https://doi.org/10.36591/SE-4703-16>
- Bộ Khoa học và Công nghệ. (2025). *Thông tư số 27/2025/TT-BKHHCN quy định về bài báo khoa học và đánh giá, xếp loại tạp chí khoa học Việt Nam*. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=215793>
- Chính phủ. (2025). *Nghị định số 262/2025/NĐCP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=215629>
- Coalition for Advancing Research Assessment. (n.d.). *Agreement on Reforming Research Assessment*. <https://coara.eu/agreement/the-agreement-full-text/>
- Committee on Publication Ethics. (n.d.). *What is publication ethics?*. <https://publicationethics.org/getting-started/what-publication-ethics>
- Committee on Publication Ethics. (2011). *COPE Code of conduct*. <https://publicationethics.org/membership/code-of-conduct>
- Committee on Publication Ethics. (2017). *COPE Core Practices*. <https://publicationethics.org/media/827/download?attachment>
- Committee on Publication Ethics. (2024). *COPE Strategic Plan 2025-2028*. <https://publicationethics.org/about/what-we-do/strategic-plan>
- Committee on Publication Ethics, Directory of Open Access Journals, Open Access Scholarly Publishing Association, & World Association of Medical Editors. (2022). *Principles of transparency and best practice in scholarly publishing (Version 4)*. <https://doi.org/10.24318/cope.2019.1.12>
- Council of Science Editors. (2021). *CSE's white paper on promoting integrity in scientific journal publications* (Revised edition). https://cse.memberclicks.net/assets/docs/2023/CSE-White-Paper_Feb2022_webPDF.pdf
- Declaration on Research Assessment. (n.d.). *The San Francisco Declaration on Research Assessment*. <https://sfdora.org/read/>
- Elsevier. (n.d.). *Scopus content policy and selection*. <https://www.elsevier.com/products/scopus/content/content-policy-and-selection>
- Gasparyan, A. Y. (2016). Duties of members of editorial team in academic journal. *Science Editor and Publisher*, 1(1-4), 10-16. <https://doi.org/10.24318/sep.2016.1.02>
- Gasparyan, A. Y., & Yessirkepov, M. (2016). Quality and integrity of academic journals. *Journal of Korean Medical Science*, 31(10), 1503. <https://doi.org/10.3346/jkms.2016.31.10.1503>
- Gasparyan, A. Y., Yessirkepov, M., Voronov, A. A., & Kitars, G. D. (2018). Updated editorial guidance for quality and reliability of research output. *Journal of Korean Medical Science*, 33(41), e247. <https://doi.org/10.3346/jkms.2018.33.e247>
- Hội đồng Giáo sư Nhà nước. (2025). *Quyết định số 26/QĐ-HDGSNN phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2025*. <http://hdgsnn.gov.vn>
- International Committee of Medical Journal Editors. (2023). *Recommendations for the Conduct, Reporting, Editing, and Publication of Scholarly Work in Medical Journals*. <https://www.icmje.org/recommendations/>
- Lê Thị Minh Thảo, Phạm Thị Tâm, & Thiều Cẩm Sơn. (2025). Liêm chính học thuật trong môi trường giáo dục đại học ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Hà Nội*, 13, 13–25. <https://doi.org/10.59266/houjs.2025.660>
- National Information Standards Organization. (2024). *Communication of Retractions, Removals, and Expressions of Concern (CREC) Recommended Practice* (NISO RP-45-2024). <https://doi.org/10.3789/niso-rp-45-2024>
- Noorden, R. V. (2023). More than 10,000 research papers were retracted in 2023 - a new record. *Nature*, 624, 479-481. <https://doi.org/10.1038/d41586-023-03974-8>
- Ortega, J. L. (2022). Classification and analysis of PubPeer comments: How a web journal club is used. *Journal of the Association for Information Science and Technology*, 73(5), 655–670. <https://doi.org/10.1002/asi.24568>
- Phạm Hiệp. (2024, December 22). Đạo đức trong xuất bản học thuật: Một số vấn đề mới xuất hiện trong thời đại AI. *Tạp chí Giáo dục*. <https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/89280/221/dao-duc-trong-xuat-ban-hoc-thuat-mot-so-van-de-moi-xuat-hien-trong-thoi-dai-ai/>
- Quốc hội. (2025a). *Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15*. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=214603>

Triển khai và giám sát đạo đức xuất bản tại các tạp chí khoa học Việt Nam
và các khuyến nghị chính sách

- Quốc hội. (2025b). *Luật Báo chí số 126/2025/QH15*. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=216507&classid=1&orggroupid=1>
- Rodrigues, F., Gupta, P., Khan, A. P., Chatterjee, T., Sandhu, N. K., & Gupta, L. (2023). The cultural context of plagiarism and research misconduct in the Asian region. *Journal of Korean Medical Science*, 38(12). <https://doi.org/10.3346/jkms.2023.38.e88>
- Hodgkinson, M. (2023). Reporting research misconduct: When, how and to whom. *UK Research Integrity Office*. <https://doi.org/10.37672/UKRIO.2023.03.reportingresearchmisconduct>
- World Association of Medical Editors. (2023). *Recommendations on Publication Ethics Policies for Medical Journals*. <https://www.wame.org/recommendations-on-publication-ethics-policies-for-medical-journals>
- Zhang, L., & Sivertsen, G. (2020). The new research assessment reform in China and its implementation. *Scholarly Assessment Reports*, 2(1), 3. <https://doi.org/10.29024/sar.15>